TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2024/HNGĐ – ST
Ngày: 25/7/2024
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà
Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Đức Hòa và bà Lê Thị Thận.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 91/2024/TLST- HNGĐ, ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2024/QĐXX - ST ngày 12 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Minh T, sinh năm: 1991
Nơi cư trú: Thôn 7, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.
- Bị đơn: Chị Lý Thị Kiều T1, sinh năm: 1992
Nơi cư trú: Thôn 7, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

(Đương sự vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/4/2024 và trong quá trình thụ lý vụ án, nguyên đơn anh Phạm Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lý Thị Kiều T1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước theo giấy đăng ký kết hôn số 24 ngày 17/3/2017. Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Do mâu thuẫn nên anh chị chỉ chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì bắt đầu sống ly thân liên tục cho đến nay, quá trình ly thân thì không quan tâm chăm sóc gì nhau, độc lập kinh tế. Nay anh thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể kéo

dài hôn nhân thêm được nữa. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lý Thị Kiều T1.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn chị Lý Thị Kiều T1 trình bày: Chị và anh Phạm Minh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước theo giấy đăng ký kết hôn số 24 ngày 17/3/2017. Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Chị và anh T đã sống ly thân, trong thời gian sống ly thân mạnh ai nấy sống, không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ. Nay anh T yêu cầu ly hôn thì chị cũng đồng ý ly hôn với anh T. Chị đồng ý giải quyết vụ án ly hôn với anh T tại Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Về con chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện của anh Phạm Minh T yêu cầu được ly hôn với chị Lý Thị Kiều T1 có nơi cư trú tại thôn 7, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình; chị T đồng ý giải quyết vụ án ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Anh T và chị T chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn. Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn anh T và bị đơn chị T có văn bản xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và xét xử. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Minh T yêu cầu ly hôn với chị Lý Thị Kiều T1, Hội đồng xét xử xét thấy:

Anh T và chị T tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 24 ngày 17/3/2017 theo quy định pháp luật. Trong thời gian chung sống do vợ chồng không có sự hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh T và chị T đã sống ly thân một khoảng thời gian. Trong thời gian sống ly thân anh T và chị T không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, dẫn đến hôn nhân không đạt được mục đích. Như vậy, anh T và chị T đã có sự vi phạm về nghĩa vụ của người vợ, người chồng đối với nhau; cụ thể: không còn sự thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chung sống với nhau. Đối chiếu với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy hôn nhân giữa anh T và chị T lâm vào tình trạng trầm trọng, hôn nhân không đạt được mục đích, nay anh T yêu cầu ly hôn với chị T, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Đương sự phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 131 Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Minh T. Anh Phạm Minh T được ly hôn với chị Lý Thị Kiều T1.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 24 ngày 17/3/2017 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước không còn hiệu lực khi Bản án hôn nhân gia đình về việc ly hôn của anh chị có hiệu lực pháp luật.

2.Về con chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3.Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4.Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn anh Phạm Minh T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009193, ngày 14/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Bình phước;
- VKSND h. Bù Đăng;
- CC THADS h. Bù Đăng;
- UBND xã (thị trấn);
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Thu Hà